

Hòa th ng Thích Thi n Siêu

---o0o---

Khi đ c Ph t nh p đi t r i, cu c ki t t p m i b t đ u. Cu c ki t t p t ng l i Kinh t ng và Lu t t ng. Trong Lu t t ng, b Lu t đ u tiên theo trong s nh c đ n là b Bát th p t ng lu t do Tôn gi u-ba-li tám m i l n ng i t ng thì m i xong b Lu t c a Ph t đ y.

N i dung c a Ki t t p có nghĩa nh th nào?

Ki t t p: Ph n t là Samgati, Tàu đ ch là "Chúng đ ng t ng", nghĩa là c chúng cùng nhau t ng l i l i đ c Ph t đ y. T ng b ng cách nào? Tôn gi u-ba-li hay Tôn gi A-nan-đà ng i gi a chúng đ c rõ t ng câu nh : ngày hôm đó, t i ch đó, tôi có nghe đ c Ph t đ y nh th này th này... n u đ i chúng có v nào nghe Ngài đ y khác xin phát bi u, n u không ai phát bi u mà im l ng thì cho qua. Ti p t c t ng đ n khác cũng y nh trên cho đ n h t, nên g i là chúng đ ng t ng. Cu c ki t t p đ u tiên ch a có văn t g i h t. Ki t t p b ng mi ng đ c lên r i ai n y đ u ghi nh trong ký c mà thôi. Ký c c a các v toàn là các b c A-la-hán thì ghê g m l m. Nh nh v y c t đ mà tu t p ch không có m c đích gì khác.

Tôn gi u-ba-li t ng Lu t

Nh v y, v Lu t b đ u tiên là Bát th p t ng do Tôn gi u-ba-li t ng, r i sau đó nó bi n ra năm b n a:

Đàm-vô-đ c b (Pháp t ng b) truy n lu t T p ph n, g m 60 cu n.

Tát-bà-đa-b (H u b) truy n lu t Th p t ng, có 60 cu n.

Di-sa-t c b truy n lu t Ngũ ph n, có 30 cu n, thu c Hóa đ a b .

Ca-di p-di b truy n Gi i thoát gi i, g m 50 cu n, thu c Căn b n nh t thi t h u b .

Ma-ha Tăng-k b truy n lu t Tăng k , có 40 cu n, thu c Đ i chúng b và Đ c t b .

Trong th i Ph t, Ngài không phân ra năm b lu t nh trên, nh ng trong quá trình hành hóa, tùy ch ph m i mà ch ra gi i đ cho hàng đ t bi t và l n sau đ ng có ph m n a. Đó là kh i nguyên c a Lu t. Sau khi đ c Ph t di t đ , cu c ki t t p l n th nh t ch t ng thu n nh t là tám m i l n ng i t ng mà thôi. T đó v sau, qua s truy n trì c a Tôn gi Đ i Ca-di p, A-nan, M t-di n-đ a, Th ng-na-hòa-tu, u-ba-cúc-đa (Maha Kàsyapa, Ananda, Madhyàntika, Sàna Vasa, Upagupta) đ u thu n nh t v , ch a phân đ ki n v gi i lu t. Đ n Tôn gi u-ba-cúc-đa là v th năm, nh m kho ng th i gian sau Ph t di t đ 110 năm, lúc đó A-d c v ng ra đ i. A-d c v ng là v vua lúc đ u cai tr r t tàn ác nên dân chúng gán cho cái tên là H c A-d c v ng (A-d c v ng đ i ác). Nh ng v sau c i ác từng thi n, qui y Tam B o và tr thành m t Ph t t thu n thành, h trì Ph t pháp m t cách đ c l c nh t, g i là Pháp A-d c v ng.

Nguyên nhân phân hóa Lu t

Giáo pháp đ c Ph t do v y cũng b điều linh, các v t kheo m i đoàn du hóa m t ph ng, không k t v i nhau đ c, do đó mà t n i m t b Bát th p t ng lu t i chia ra năm n i, năm nhóm. Năm nhóm này ghi nh và đ c t ng theo năm cách riêng và vi c hành trì cũng khác, nên t o ra năm b lu t khác nhau. Năm b lu t đó là do năm đ t c a Tôn gi u-ba-cúc-đa n m gi và truy n t ng. Năm b lu t đó là:

Đàm-vô-đ c b truy n trì lu t T Ph n.

Tát-bà-đa b truy n trì lu t Th p T ng.

Đi-sa-t c b truy n trì lu t Ngũ Ph n.

Ca-di p-di b truy n trì lu t Gi i Thoát.

Bà-ta-phú-la b truy n trì lu t Ma-ha Tăng K .

Năm nhóm trên đ u truy n trì Lu t t ng riêng mà phát sinh thành ra năm b nh trên.

Năm b lu t v a nêu v ph n chính thì gi ng nhau, ch có sai khác v Ba-d t-đ và Chúng h c pháp.

Năm b lu n gi i thích Lu t

Ngoài nh ng b lu t chính trên, sau này có nh ng b g i là lu n v lu t. Năm b lu n đó là gì?

T -ni-m u lu n, 8 quy n (th t truy n).

Ma-đ c-l c-già lu n, g i đ là Tát-bà-đa-b T -ni Ma-đ c-l c-già, 10 quy n do L u t ng Tăng-già-b t-ma đ ch.

Hai b lu n trên đ a vào Tát-bà-đa b t c Căn b n nh t thi t h u b mà gi i thích nh ng đ u trong b lu t đó mà t o ra lu n này.

Thiền kiến luận, hay còn là Thiền kiến luận Tỳ-bà-sa, 18 quyển do Tiêu-tử Tăng-già-bạt-ma dịch. Các giới thích Tỳ-phần luận.

Tát-bà-đa luận hay gọi là Tát-bà-đa Tỳ-ni-tử-bà-sa, chín quyển, một tên người dịch, các giới thích luận Thập tụng.

Minh liễu luận, hay còn gọi là Luật nhập thập nhập minh liễu luận, một quyển do Trần-chân-đo dịch, các giới thích giới luật thuộc Chính pháp tạng.

Hai bộ này đều thuộc Chính pháp tạng, tức một trong hai bộ phận tiêu thụ của Phật giáo.

Nội dung của Luật tụng

Khi nói Luật tụng là nói chung cả năm bộ luật và năm bộ luận đó gọi là luật tụng.

Số hành trì về Luật tạng của Địch cũng có sai khác chút ít. Khi thì các Tỳ dùng bộ này, khi thì dùng bộ khác, nên đôi lúc tụng tụng chung trong nội dung của nó có sai khác. Nhưng tùy theo địa phương và hoàn cảnh, các Tỳ có thể du di phần hặc pháp, vì vậy, khi truyền qua Trung Hoa, Tỳ Địch tuyên bố lý thuyết làm căn bản cho việc truyền Luật, nên Tỳ đã dùng bộ Tỳ phần luận, phát triển thành Luật tông mà Tỳ là vị khai sáng. Tỳ đó Tỳ phần luận được đi đến giới, giới thích và truyền bá rất mạnh.

Viết Nam chúng ta từ trước tới nay cũng áp dụng Tỳ phần luận để hành trì.

Nội dung Tỳ phần luận

Tỳ phần luận, 60 cuốn do Điều Tỳn Phật-đà-da-xá và Trúc-phật-niêm cùng dịch, chia bốn phần.

Phần một, gồm hai mẩu chuyện: nội dung chuyên nói 250 chữ a T-kheo.

Phần hai, gồm mẩu chuyện sáu câu: chín câu nói 348 chữ đi u c a T-kheo-ni. Bảy câu sau quy định về cách thi giải, thuyết giải, an c, t t...

Phần ba, có mẩu chuyện hai câu: gồm các chương quy định về cách T t t p theo, Bì-cách, y, D c, Casina y, về c x y ra Câu-di m-di, Chiêm-ba, K t-ma-ha-trách, v ng i, v t i phú tàng, giá, phá tăng, di t tránh, v pháp T-ni và v Pháp.

Phần bốn, gồm mẩu chuyện: là các chương nói về phòng xá, t p, ngũ bách ki t t p, th t bách ki t t p, đi u b T-ni, T-ni tăng nh t.

Tóm lại, T phần luật gồm có hai phần chính:

(a) Phần thi nh t nói về giải b n c a T-kheo và T-kheo-ni.

Giải b n c a T-kheo có 250 chữ, T-kheo-ni có 348 chữ. Theo Nam truy n Luật t t ng T-kheo có 227 đi u, T-kheo-ni có 311 đi u. Các chữ đi u tuy có khác, nh ng ch khác phần chi t t, còn phần nội dung chính v n gi ng nhau.

(b) Phần thi hai nói về hai mẩu chuyện (hai mẩu chuyện).

Chương Thi giải: Thuyết minh về về cách thi giải.

Chương Thuyết giải: Thuyết minh về nghi thức thuyết giải.

Chng An c: Thuyt minh v ý nghĩa và s vi c an c.

Chng T t: Nói v ý nghĩa tác pháp t t.

Chng Bì-cách: Khai cho các T-kheo g p hoàn c nh đ c bi t đ c dùng các lo i da thu c.

Chng nói v Y: Thuyt minh cách may y và s dng nó.

Chng nói v d c li u: Thuyt minh v cách dùng thu c đ ch a b nh.

Chng nói v Y Casina (Kathina): Nói v cách th y và x y Casina (công đ c y).

Chng nói v vi c x y ra Câu-di m-di (Kosambi): Nói v vi c các T-kheo tranh cãi nhau, và ba lo i c t i: (1) B t ki n c là c cái t i có l i mà nói không th y, không nh n t i. (2) B t sám c là c cái t i đã nh n t i mà không ch u sám h i. (3) Ác ki n b t x c là c cái t i có ác ki n mà không ch u b .

Chng nói v vi c x y ra Chiêm-ba, nói v các lo i Ki t-ma nh pháp và phi pháp.

Chng nói v Ha-trách: Nói v ch đ nh b y th Ha-trách, t c 35 vi c mà m t T-kheo đã ph m t i thì không đ c làm.

Chng nói v Ng i: Thuyt minh ph m t i Tăng tàn, l c d bi t trú phép b n nh t tr và cách sám tr nghi p qu , sám di t phi pháp.

Ch ng Phú tàng: Nói các th t ng c a t i phú tàng và cách di t tr t i.

Ch ng nói v Giá: Nói v cách ngăn ng a và c t i ng i khác, khi c ph i đ năm pháp là: Tri th i, chân th t, l i ích, nhu nhuy n, t tâm.

Ch ng phá Tăng: Nói vi c t i phá Tăng.

Ch ng di t tránh: Nói v Th t di t tránh (b y phép di t s tranh cãi).

Ch ng nói v Ni: Nói vi c Ni chúng th gi i, thuy t gi i.

Ch ng nói v Pháp: Nói các oai nghi, pháp th c đi l i... c a T -kheo.

Ch ng nói v Phòng: Nói vi c s a sang tu b phòng xá.

Ch ng t p: Thuy t minh xen l n h t th y các ch ng, và cách trì gi i.

Đ o Tuyên Lu t s trong "San b tùy c y t-ma" tóm t t hai m i ch ng trình m i đi u.

Ch ng t p pháp: Nói t ng quát v s duyên thành không thành c a các pháp Ki t-ma.

Ch ng k t và gi i gi i

Ch ng nói pháp th các gi i.

Ch ng nói áo, thu c, th trì, thuy t t nh.

Ch ng nói các pháp thuy t gi i.

Ch ng nói v chúng an c .

Ch ng nói pháp t t .

Ch ng nói v chia áo (c a Tăng đã ch t)

Ch ng nói sám h i các t i.

Ch ng nói vi c c t y u c a v trú trì Ph t pháp.

Ch trì, Tác trì

Gi i lu t thì nhi u, nh ng không ngoài hai môn: Ch trì và Tác trì.

Ch trì là đình ch , đình ch không làm các đi u ác. T c qui đ nh v đi u gi i, đó là gi i, thu c ch trì.

Tác trì là tu thi n, t c làm các đi u thi n. T c qui đ nh v các pháp Ki t-ma, đó là lu t, thu c Tác trì.

Ví dụ thực hành giáo dục là Chết, giữ gìn hai mặt của kiến thức là Tác phẩm.

Phân tích Giáo dục

Vì sao giáo dục là Giáo dục? Đây là những giáo dục, chính yếu của Luật pháp. Giáo dục của Tăng có 250, của Ni có 350 giáo dục. Ngoài giáo dục chính còn có phần Kiến thức để âm thanh Khandha, có nghĩa là nhóm, thiên, chủng.

Phân tích giáo dục gồm có tám mặt, 250 giáo dục, chia năm thiên và bảy phần.

Năm thiên:

Ba-la-di có 4 giáo dục.

Tăng tàn có 13 giáo dục.

Ba-dhātū gồm 30 xấp xỉ, 90 đấng đấng.

Đạo-xá-ni có 4 giáo dục.

Đạo-t-khā-t-la gồm 100 chúng hắc, 7 đấng tránh.

Bảy phần:

Ba-la-di.

Tăng-tàn.

Thâu-lan-giá.

Ba-d t-đ .

Đ -xá-ni.

Ác-tác.

Ác-thuy t.

(6. và 7. h p chung g i là "Đ t-ki t-la")

Năm thiên là n ng ch t i n ng nh c a t i qu . B y t là nh ng lo i t căn c t i tính và nguyên nhân c a nó. Thâu-lan-giá là ph ng ti n t i (t c nh n t i) c a Ba-la-di và Tăng-tàn. Ác-tác là t i nh thu c v thân. Ác-thuy t là t i nh thu c v kh u.

Gi i thích b n Ba-la-di

B n Ba-la-di: Ba-la-di, Ph n t là Pàràjka, Tàu d ch là Khí - b v t ra ngoài Tăng chúng. T i Ba-la-di có b n, là b n t i ph m vào thì b b đi, v t đi. M c b n t i này coi nh b ra ngoài

Tăng chúng, vì vậy gọi là Khí (vật thể). Phạm tử này gọi là bất công trạng, tức không được phép tham dục thì công việc của Tăng. Luân Du-dà-s-đưa cho rằng khi phạm bốn tội này gọi là Tha thọ ng - tức khi phạm tội này thì bị Ma thọ ng. Vì sao? vì ngũ giới tu sĩ ví như mặt chiếu sáng chiếu đến đâu vậy bốn thọ ma: Ma phiến não, ma ngũ m, tà ma, thiên ma. Họ đánh bóng khí giới gì? Họ chiếu đến bóng cách hành trì giới luật. Khi ngũ giới tu sĩ không trì giới, không giữ giới thì thua bốn thọ ma đó, như vậy là Ma thọ ng. Do đó phạm bốn Ba-la-di cũng gọi là phạm Tha thọ ng. Tha là khác, thọ ng là hưởng. Phạm tội khác hưởng gọi là Tha thọ ng. Nếu phạm tội này thì Ma hưởng. Còn phạm tội dục thì còn dục co, chưa phạm thọ ng bởi.

Giới thích mười ba Tăng tàn

Mười ba Tăng tàn: Phạm tội là Samgha-vasena. Phiên âm là Tăng-già-bà-thi-sa. Tà u dục là "Tăng tàn". Tăng tàn có hai nghĩa:

Nghĩa thứ nhất: Giới luật là tính mạng của Tăng. Khi phạm Ba-la-di coi như chết hẳn. Còn nếu phạm Tăng tàn thì như mặt trăng bị che khuất mà chưa chết hẳn, mặt tiếp hưởng ánh sáng, nếu tiếp xúc với bụi thì có thể cứu được.

Nghĩa thứ hai: Phạm giới này nếu phạm hai mươi Tỳ-kheo hợp lại là Kiết-ma đúng pháp, cho họ sám hối thì có thể tiêu diệt được tội này, nên gọi là Tăng tàn. Trong Căn bản như thế này gọi là Chúng giáo. Chúng là chúng Tăng, giáo là giáo dục. Chúng giáo có nghĩa phải có hai mươi và Tăng giáo dục cho, cho sám hối thì mới hết tội.

Giới thích hai Bất dâm

Hai bất dâm: Vì sao gọi là Bất dâm? Vì không dứt khoát thì đó là Ba-la-di hay Tăng tàn hay Ba-dục-t-đ. Nó có thể thành tội Ba-la-di hay tội Tăng tàn hoặc Ba-dục-t-đ theo luật trú tín u-bà-di, là vậy nên có lòng tin thanh tịnh kiên cố, không như thế nên gọi là Bất dâm. Hai tội này chỉ liên hệ giới bất dâm, chứ không liên hệ các giới khác.

Giới thích ba mười X-đưa

Ba m i t i X đ a: Ph n t là Nissaggiya-pàcittiya. Ni-tát-k Ba-d t-đ là phiên âm. Tàu d ch là "X đ a".

T i x và t i đ a. Lo i t i này là ch các T -kheo, đ dùng đó khi ph m vào mà trái phép thì ph i đ a. Mu n sám h i t i đó thì ph i gi a chúng ho c đ i m t ng i mà x đ v t l y dùng trái phép tr c r i sám t i sau.

Nói cách khác, khi đ c p đ n t i x đ a là các v t s h u c a T -kheo, nh y, bát, t a c ... l i không làm th t c tác pháp thì ph i làm phép x v t, x t i, ch a b tâm lý ch a ch p, tàng tr tài v t đ kh i đ a l c, nó g m ba m i gi i. Ai ph m nên đ a các ph m v t y ra gi a Tăng, t b n v tr lên đ x và đ i tr c m t v T -kheo đ nói t i và xin sám h i.

Gi i thích chín m i Ba-d t-đ

Ba-d t-đ (Pàcittiya). Tàu d ch là "Đ n đ a". Nó liên quan đ n các t i ti u v ng ng , c ý sát h i côn trùng, cùng v i n nh n đi chung đ ng v.v... g m có chín m i đ n đ a là t i không dính dáng gì đ n v t đ ng h t. Ph m thì b đ a thôi, không c n x , nên g i là đ n đ a.

Gi i thích b n H i quá pháp

B n h i quá pháp. Ba-la-đ Đ -xá-ni (Pàtidesanniya), Tàu d ch là "H ng b h i". Ph m t i này ch h ng t i m t T -kheo khác, nói rõ l i l m đã ph m và xin sám h i. Tóm l i là t i nh , có th h i c i, ng i ph m có th nói t i v i m t T -kheo khác mà xin sám h i.

Gi i thích m t trăm H c pháp

M t trăm H c pháp phiên âm Ph n t là Th c-xoa-ca-la-ni (Sikkhà Karaniya). Tàu d ch là "Chúng h c". Chúng h c pháp là nh ng pháp c n nên h c. Nh các sinh ho t h ng ngày,

các oai nghi như như t.... Pháp này chủ yếu là tự trách lấy mình. Đây là tội như như t, tội khó gì như ng hốt sặc đở phỏm. Khi bị t phỏm thì tự trách lấy mình đở ăn năn, tội hỏa lỏn sau không tái phỏm là đở.

Giới thích bởi Diệt tránh

Bởi Diệt tránh pháp, tiếng Phỏn là Adhika-ramásama-thaàdharmàh. Tàu đở ch là "Diệt tránh pháp". Tỏc bởi phỏng pháp trỏ tội hay bởi cách thỏc đở chỏm đỏt sỏ tranh cãi gì a chúng Tăng. Phỏm 100 hỏc pháp và 7 Diệt tránh kỏt vào tội Đỏt-kỏt-t-la, chỏ tâm niỏm sám hỏi, hỏc tỏp, là đở.

Riêng với Tỏ-kheo-ni, Phỏt u đỏi hỏn:

Ba-la-di không phỏi bỏn mà là tám.

Tăng tàn không phỏi mỏỏi ba mà là mỏỏi bởi.

Xỏ đỏa bỏng nhau.

Đỏn đỏa không phỏi chín mỏỏi mà là 178.

Hỏi quá không phỏi bỏn mà là tám.

Mỏt trăm hỏc pháp gì ng nhau.

Cỏng tỏt cỏ là 348 gìi. Chỏ a hỏt, Ngài còn trao thỏ mỏng Phỏt pháp cho Ni nỏ a. Đỏc bị t là Ni

có Tám k nh pháp, nh ng Tăng thì có nh b t đ nh, còn Ni thì không. Nh v y Ni h n tám, Tăng h n hai. Ni thì có ngũ thiên l c t .

(Trích "C ng Y u Gi i Lu t", Sài Gòn, 1996)

Ngu n: QuangDuc.com

BTV